

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ THÚY HẰNG

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN

MÃ SỐ: 60.34.30

TÓM TẮT

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hoàng Tùng

Phản biện 1: TS. Đoàn Ngọc Phi Anh

Phản biện 2: PGS.TS. Võ Văn Nhi

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty cổ phần Procimex Việt Nam đã và đang tổ chức kế toán quản trị trong đó tập trung vào kế toán quản trị chi phí nhằm cung cấp thông tin chi phí phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh. Song thực tế kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị chi phí nói riêng chưa được tổ chức khoa học mà vẫn còn mang nặng nội dung của kế toán tài chính. Hiện tại, nhu cầu sử dụng thông tin chi phí còn tự phát, các công việc của kế toán quản trị chi phí được thực hiện đan xen giữa nhiều bộ phận mà chưa có bộ phận chuyên trách. Do đó, việc tìm hiểu để hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty là một yêu cầu rất thiết thực nhằm giúp công ty hoàn thành nhiệm vụ và tạo thế đứng vững vàng trên thị trường.

Xuất phát từ nhận thức mang tính khách quan cả về lý luận và thực tiễn, tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu: ***“Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản nhằm mục đích làm rõ bản chất, vai trò và đặc điểm của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất.

Bên cạnh đó luận văn còn nghiên cứu thực tiễn về kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam và đánh giá kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất phù hợp với đặc thù của Công ty.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Tìm hiểu, nghiên cứu KTQT chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam còn những vấn đề gì cần phải hoàn thiện?

Áp dụng những giải pháp gì để hoàn thiện KTQT chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu

những vấn đề về lí luận, thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam và các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty này.

- Phạm vi nghiên cứu:

Đề tài đi sâu vào nghiên cứu vấn đề về hoạt động sản xuất các mặt hàng thủy sản tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam, số liệu sử dụng trong đề tài được thu thập trong năm 2012 .

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp quan sát và mô tả nhằm mô tả thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam.

Phương pháp giải thích được vận dụng để giải thích hiện tượng quan sát được dựa vào cơ sở lý thuyết có liên quan. Qua đó đánh giá những ưu điểm, nhược điểm về KTQT chi phí sản xuất tại Công ty.

Phương pháp tổng hợp và suy diễn được vận dụng nhằm đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện KTQT chi phí sản xuất ở Công ty. Phương pháp suy diễn dựa vào cơ sở lý thuyết về KTQT chi phí sản xuất, đối chiếu với thực trạng KTQT chi phí sản xuất.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Luận văn nghiên cứu, hệ thống hóa lý thuyết cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng công tác công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam, từ đó đánh giá thực trạng tình hình chi phí sản xuất của công ty.

- Trên cơ sở lý thuyết và thực trạng tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam luận văn đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất

kinh doanh tại Công ty.

7. Tổng quan tài liệu

Vấn đề KTQT trong đó có KTQT chi phí sản xuất đóng vai trò quan trọng trong điều kiện kinh tế thị trường có cạnh tranh. Nó được coi là công cụ quản lý hữu hiệu bởi tính linh hoạt, hữu ích và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ của doanh nghiệp. KTQT chi phí sản xuất là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong kiểm soát, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm tối đa hóa lợi nhuận và tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Vì vậy việc nghiên cứu kế toán quản trị chi phí sản xuất được nhiều tác giả quan tâm đến. Đối với đề vấn đề này đã được nhiều bài báo, tạp chí kế toán đã đề cập đến như:

Tác giả ThS. Phạm Ngọc Toàn (2012) có bài viết đăng trên tạp chí Kế toán và Kiểm toán số 2/2011 (89) về *“Tổ chức công tác kế toán quản trị phục vụ cho các quyết định ngắn hạn”*. Qua bài viết này tác giả đã đề xuất một số vấn đề nhằm tăng cường hiệu quả đối với việc ra quyết định ngắn hạn của nhà quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn đề cập đến các giải pháp hỗ trợ việc thực hiện các quyết định ngắn hạn của nhà quản trị.

Trong lĩnh vực thủy sản còn có đề tài nghiên cứu của tác giả Đinh Tuyết Diệu (2011) nghiên cứu *“Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất nhập khẩu Lam Sơn”*- Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, chuyên ngành kế toán, đại học Đà Nẵng. Trong luận văn này đã đánh giá được thực trạng chi phí sản xuất tại doanh nghiệp và đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện KTQT chi phí sản xuất tại doanh nghiệp. Tuy nhiên luận văn chủ yếu đi vào đặc trưng của doanh nghiệp sản xuất thủy sản nên đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác KTQT chi phí sản xuất xuất phát từ đặc thù kinh doanh.

Trong lĩnh vực dệt may của tác giả Nguyễn Thị Hồng

Oanh(2010) với đề tài “ *Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Tổng Công ty Cổ phần dệt may Hòa Thọ* ” -Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng. Luận văn đi sâu vào việc nghiên cứu thực trạng kế toán quản trị sản xuất tại Công ty. Qua đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Tổng Công ty.

Trong các công trình này, các tác giả đã hệ thống các nội dung cơ bản của hệ thống kế toán quản trị và đề xuất phương hướng ứng dụng kế toán quản trị vào các ngành cụ thể theo phạm vi nghiên cứu của các đề tài. Mặc dù vậy, các công trình nghiên cứu về kế toán quản trị đã công bố đều chưa nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống kế toán quản trị chi phí áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu.

Chính vì vậy, vấn đề mà Luận văn cần tập trung nghiên cứu là kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất mà cụ thể ở đây là tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu về bản chất, vai trò và nội dung của kế toán quản trị chi phí sản xuất.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị chi phí

1.1.2. Sự phát triển của KTQT chi phí ở các nước và sự vận dụng ở Việt Nam

1.1.3. Bản chất và vai trò của kế toán quản trị chi phí

a) *Bản chất của kế toán quản trị chi phí*

b) *Vai trò của kế toán quản trị chi phí*

1.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ PHỤC VỤ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ

1.2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

a) *Chi phí sản xuất*

b) *Chi phí ngoài sản xuất*

1.2.2. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

a) *Biến phí*

b) *Định phí*

c) *Chi phí hỗn hợp*

1.2.3. Phân loại chi phí phục vụ kiểm tra và ra quyết định

a) *Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp*

b) *Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được*

c) *Chi phí chênh lệch*

d) *Chi phí cơ hội*

e) *Chi phí lặn*

1.3. LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

1.3.1. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.3.2. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

1.3.3. Dự toán chi phí sản xuất chung

1.4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH

SẢN PHẨM

1.4.1. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành

1.4.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành

1.5. KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT

1.5.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.5.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

1.5.3. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY PROCIMEX VIỆT NAM

2.1.1 Giới thiệu về Công ty

Công ty cổ phần Procimex Việt Nam với nhiều năm chuyên sản xuất và kinh doanh ngành Thủy hải sản, với dây chuyền công nghệ hiện đại, khép kín và đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề, nhiều năm kinh nghiệm. Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu và chất lượng dịch vụ sau bán hàng. Chính vì vậy hàng Thủy sản của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng tin nhiệm. Doanh thu năm 2012 đạt 106,9 tỷ đồng, kế hoạch năm 2013 đạt 100 tỷ đồng.

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1.3 Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất của Công ty và quy trình công nghệ.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

2.2.1. Phân loại chi phí tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các nguyên liệu thủy sản đánh bắt và nuôi trồng đa dạng nhiều chủng loại như: cá, tôm, mực...

Nguyên liệu được thu mua từ các ngư dân nuôi bờ hoặc đánh bắt trên biển vận chuyển đến Công ty bán lại đồng thời Công ty đã xây dựng mạng lưới thu mua tại nhiều địa phương ở khu vực miền Trung. Những thời gian cao điểm khi những chiếc tàu đánh bắt xa bờ vừa cập bến, bộ phận thu mua của Công ty đã túc trực tại các cảng để

mua.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm:

-Nguyên vật liệu chính: là những nguyên vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất cấu thành thực tế của sản phẩm. Nguyên vật liệu chính tại Công ty bao gồm chủ yếu Cá, Tôm và Mực. Chi phí nguyên vật liệu chính chiếm từ 80% đến 90% trong tổng chi phí.

- Nguyên vật liệu phụ: Bao gồm các vật liệu xuất dùng không trực tiếp cấu thành nên sản phẩm mà để phục vụ cho công tác bảo quản, nâng cao chất lượng mẫu mã sản phẩm. Gồm nước, khay xếp, hóa chất xử lý, bao bì, nhãn dán, hộp giấy, băng keo, thùng các kích cỡ... Đây là các khoản chi phí chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng chi phí.

b. Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất là một trong 3 yếu tố cơ bản cấu thành giá thành sản phẩm. Nó được coi là trọng tâm trong quản lý toàn diện của đơn vị sản xuất kinh doanh, có chế độ quản lý phù hợp vấn đề lao động tiền lương là cơ sở vững chắc cho việc tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và hạ giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp nói chung và ở Công ty cổ phần Procimex Việt Nam nói riêng.

Chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty bao gồm tiền lương cơ bản, lương theo sản phẩm, phụ cấp, tiền ăn cơm trưa và các khoản trích theo lương trả cho bộ phận công nhân sản xuất trực tiếp tại phân xưởng.

Tại Công ty bộ phận nhân viên văn phòng cũng như công nhân sản xuất làm việc mỗi ngày hai ca. Công ty hỗ trợ chi phí giữa ca cho cán bộ công nhân viên.

c. Chi phí sản xuất chung

Bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng:

- Chi phí về nhân viên quản lý: Chi phí về tiền lương và BHXH của quản đốc phân xưởng và các nhân viên quản lý phân

xưởng.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm khoản tiền trích khấu hao của nhà xưởng, máy móc thiết bị dùng trong sản xuất.

- Chi phí khác phục vụ phân xưởng: Bao gồm các chi phí như tiền điện, điện thoại... phục vụ sản xuất phân xưởng.

2.2.2. Công tác lập dự toán

Bảng 2.1. Kế hoạch sản xuất của Công ty trong tháng 12 - 2012

Sản phẩm	Khối lượng (kg)	Tỷ lệ (%)
Cá ngừ phi lê	66.700	83,88
Mực sami	5.835	7,33
Tôm đông lạnh đóng gói	7.000	8,79
Tổng	79,535	100

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

Qua đó ta thấy Cá ngừ phi lê chiếm tỷ trọng rất lớn nên luận văn này tác giả tập trung nghiên cứu chi phí sản xuất sản phẩm Cá ngừ phi lê.

a. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chế biến

Bảng 2.2. Dự toán CPNVLTT chế biến Cá ngừ phi lê tháng 12- 2012 - Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

DVT: đồng

Tên NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Cá ngừ phi lê	Kg	66.700 x 2,4	57.300	9.172.584.000
Bao bì	Kg			156.654.400
Vật liệu phụ	gam			106.324.965
Tổng				9.435.563.665

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

b. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp chế biến

**Bảng 2.3. Dự toán CPNCTT chế biến Cá ngừ phi lê tháng
12-2012**

Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tiền lương theo sản phẩm= đơn giá tiền lương năm 2011* số lượng sản phẩm	300.150.000
2	Các khoản trích theo lương	69.034.500
	Tổng cộng	369.184.500

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

c. Dự toán chi phí sản xuất chung

**Bảng 2.5. Dự toán CPSXC chế biến Cá ngừ phi lê tháng
12-2012**

Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi phí	Số tiền
1	Tiền lương bộ phận quản lý phân xưởng	11.534.910
2	Chi phí vật liệu dùng cho px	20.540.241
3	Chi phí dụng cụ sản xuất	6.887.000
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	98.539.568
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.449.238
	Tổng cộng	250.952.957

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

2.2.3. Kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam

a. Đối tượng kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty

- Xuất phát từ đặc điểm của ngành thủy sản cũng như quy mô

hoạt động của công ty nên đối tượng tập hợp chi phí của Công ty cổ phần Procimex Việt Nam là từng phân xưởng riêng biệt. Tại công ty gồm có các phân xưởng chế biến chính: Phân xưởng Cá và phân xưởng Tôm, Mực.

- Tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam sản phẩm hoàn thành là các loại sản phẩm như mực, tôm và cá được sản xuất theo tiêu chuẩn, chất lượng quy định. Đối tượng kế toán tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành ở bước công nghệ cuối cùng, kỳ tính giá thành là từng tháng,

b. Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty

- Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Bảng 2.6. Bảng tổng hợp giá và khối lượng Cá ngữ phi lê thu mua trong tháng 12-2012

ĐVT: đồng

Ngày	Khối lượng	Giá mua	Thành tiền
2/12	5.130	57.500	294.975.000
4/12	4.200	59.000	247.800.000
7/12	6.321	61.000	385.581.000
12/12	2.081	62.000	129.022.000
15/12	7.346	59.500	437.087.000
19/12	9.022	58.000	523.276.000
22/12	2.598	57.800	150.164.400
25/12	11.993	63.000	757.156.400
31/12	18.009	59.800	1.076.938.200
Tổng	66.700		4.002.000.000

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

**Bảng 2.8. Bảng tổng hợp CPNVLTT chế biến Cá ngừ phi lê
tháng 12-2012**

Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

DVT: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền
1	Nguyên liệu chính	9.604.800.000
2	Bao bì	170.765.848
3	Vật liệu phụ	107.976.636
	Tổng cộng	9.883.542.484

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

- Tập hợp chi nhân công trực tiếp

**Bảng 2.9. Bảng tổng hợp CPNCTT chế biến Cá ngừ phi lê tháng
12-2012**

Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

DVT: đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền
1	Tiền lương theo sản phẩm	313.490.000
2	Các khoản trích theo lương	72.102.700
	Tổng cộng	385.592.700

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

Tiền lương theo sp= đơn giá tiền lương năm 2012 * số lượng sản phẩm

- Tập hợp chi phí sản xuất chung

**Bảng 2.11. Bảng tổng hợp CPSXC chế biến Cá ngừ phi lê tháng
12-2012**

Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi phí	Số tiền
1	Tiền lương bộ phận quản lý phân xưởng	13.448.290
2	Chi phí vật liệu dùng cho px	19.000.390
3	Chi phí dụng cụ sản xuất	6.890.280
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	98.539.568
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.992.086
	Tổng cộng	254.870.614

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

- Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

**Bảng 2.12. Bảng tính giá thành sản phẩm Cá ngừ phi lê tháng
12-2012**

Sản lượng kế hoạch :66.700 sản phẩm

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Chi phí NVLTT	9.883.542.484
2	Chi phí NCTT	385.592.700
3	Chi phí SXC	254.870.614
	Tổng	10.524.005.798

(Nguồn Công ty cổ phần Procimex Việt Nam)

2.2.4 Công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty

a. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

b. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

c. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

**2.2.5 Đánh giá tổng hợp KTQT chi phí sản xuất tại Công ty
cổ phần Procimex Việt Nam**

a. Ưu điểm

b. Hạn chế

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN
QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
PROCIMEX VIỆT NAM

3.1. SỰ CẦN THIẾT VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN KẾ TOÁN
QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
PROCIMEX VIỆT NAM

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ
TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

3.2.1. Hoàn thiện phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi
phí phục vụ cho kế toán quản trị chi phí tại Công ty

Biến phí bao gồm

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chi phí này luôn thay đổi theo sản lượng sản phẩm sản xuất.

- Chi phí nhân công trực tiếp: phần lương trả theo sản phẩm .

Định phí bao gồm

- Định phí tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất: Tiền lương cơ bản và các khoản trích theo lương

- Định phí sản xuất chung:

+ Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất (trang bị bảo hộ lao động, bàn ghế...).

+ Chi phí khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng

- **Chi phí hỗn hợp:** là những chi phí mà thành phần của nó bao gồm cả yếu tố bất biến và yếu tố khả biến. Cụ thể:

+ Tiền điện phát sinh tại phân xưởng: bao gồm điện sử dụng trực tiếp sản xuất và điện phục vụ cho bộ phận quản lý phân xưởng. Do

đó, khi số giờ lao động tăng thì tiền điện cũng tăng, nhưng khi số giờ lao động giảm, thậm chí bằng 0 thì tiền điện phân xưởng vẫn phát sinh ở một mức độ nhất định để duy trì hoạt động của bộ phận quản lý phân xưởng.

+ Lương nhân viên phân xưởng và các khoản trích theo lương: chi phí này sẽ tăng khi số giờ lao động tăng, nhất là khi công nhân tăng ca sản xuất, nhân viên phân xưởng cũng phải tăng ca để điều hành sản xuất. Mặt khác, khi số giờ lao động giảm hoặc thậm chí bằng 0 thì Công ty vẫn phải tiếp tục trả lương cho các nhân viên này. Theo đó, các khoản trích theo lương (cụ thể là KPCĐ) sẽ biến đổi tương tự lương.

+ Tiền com: bao gồm tiền com (trưa và chiều nếu tăng ca) của công nhân sản xuất và các nhân viên phân xưởng. Khi số giờ lao động tăng đến mức phải tăng ca sản xuất hoặc thuê thêm lao động thì tiền com cũng tăng theo. Mặt khác, nếu số giờ lao động giảm, thậm chí bằng 0 thì Công ty vẫn chi trả tiền com cho nhân viên phân xưởng. Theo tác giả nên phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí, việc phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí giúp nhà quản trị trong việc lập dự toán, kiểm soát và đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí, nhằm phục vụ cho yêu cầu lập các dự toán nhanh và định giá bán sản phẩm trong các điều kiện quy mô sản xuất khác nhau. Dưới đây là bảng phân loại chi phí theo các ứng xử của chi phí tại Công ty

Bảng 3.1: Bảng phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử của chi phí

Khoản mục chi phí	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp
1/ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			
Nguyên vật liệu chính			
Nguyên vật liệu phụ			
2/ Chi phí nhân công trực tiếp			
Tiền lương công nhân sản xuất			
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN			
3/ Chi phí sản xuất chung			
Chi phí nhân viên phân xưởng			
Chi phí vật liệu			
Chi phí công cụ dụng cụ		X	
Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
Chi phí dịch vụ mua ngoài			
+ Chi phí điện			X
+ Chi phí nước			X
+ Chi phí sửa chữa		X	

Sử dụng phương pháp cực đại- cực tiểu để xử lý số liệu ở Bảng 3.2 có kết quả như sau:

Bảng 3.3. Bảng cực đại- cực tiểu

	Chi phí điện(Y_1)	Sản lượng	Chi phí Nước(Y_2)
Mức cao nhất	36.970.000	95.020	14.992.900
Mức thấp nhất	22.360.450	55.829	8.864.800
Chênh lệch	14.609.550	39.191	6.128.100

$$\text{Biến phí đơn vị} = \frac{\text{chênh lệch chi phí điện}}{\text{chênh lệch mức HD}} = \frac{14.609.550}{39.191} = 372,78$$

Tại mức hoạt động cao nhất Tổng biến phí là: $95.020 * 372,78 = 35.421.383$

Định phí sẽ là: $36.970.000 - 35.421.383 = 1.546.817$

Xác định phương trình biểu diễn của chi phí điện:

$$Y_1 = 1.546.817 + 372,78X_1$$

$$\text{Biến phí đơn vị} = \frac{\text{chênh lệch chi phí nước}}{\text{chênh lệch mức HD}} = \frac{6.128.100}{39.191} = 156,365$$

Tại mức hoạt động cao nhất Tổng biến phí là: $95.020 * 156,365 = 14.857.801$

Định phí sẽ là: $14.992.900 - 14.857.801 = 135.099$

Xác định phương trình biểu diễn của chi phí nước:

$$Y_2 = 135.099 + 156,365X_2$$

Sau đó phân tích ta có bảng phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí, kết quả tính được thể hiện trên bảng sau:

Bảng 3.4: Bảng phân loại chi phí sản xuất tháng 12/2012
Sản lượng: 66.700

Khoản mục chi phí	Biến phí	Định phí	Chi phí
1/ Chi phí NVLTT	9.883.542.484		9.883.542.484
2/ Chi phí nhân công trực tiếp	385.592.700		385.592.700
Tiền lương công nhân sản xuất	313.490.000		313.490.000
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	72.102.700		72.102.700
3/ Chi phí sản xuất chung	67.742.649	187.127.965	254.870.614
Chi phí nhân viên phân xưởng	13.448.290		13.448.290
Chi phí vật liệu	19.000.390		19.000.390
Chi phí công cụ dụng cụ		6.890.280	6.890.280
Chi phí khấu hao TSCĐ		98.539.568	98.539.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.293.969	81.698.117	116.992.086
+ Chi phí điện	24.864.423	1.546.817	26.411.240
+ Chi phí nước	10.429.546	135.099	10.564.645
+ Chi phí sửa chữa		80.016.201	80.016.201

3.2.2 Hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí linh hoạt ở Công ty

Bảng phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí trong tháng 12/2012 tại Công ty như sau:

**Bảng 3.5 Bảng phân loại chi phí sản xuất chung tháng 12
năm 2012**

Sản lượng: 66.700 kg

STT	Nội dung	Biến phí	Định phí	Chi phí
	Chi phí sản xuất chung	67.742.649	187.127.965	254.870.614
1	Chi phí nhân viên phân xưởng	13.448.290		13.448.290
2	Chi phí vật liệu	19.000.390		19.000.390
3	Chi phí công cụ dụng cụ		6.890.280	6.890.280
4	Chi phí khấu hao TSCĐ		98.539.568	98.539.568
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.293.969	81.698.117	116.992.086
	+ Chi phí điện	24.864.423	1.546.817	26.411.240
	+ Chi phí nước	10.429.546	135.099	10.564.645

Căn cứ vào số liệu được lập ở bảng phân loại chi phí (bảng 3.5) ta tính biến phí SXC như sau:

$$\text{Biến phí SXC của SPi} = \frac{\text{Tổng biến phí SXC}}{\text{Sản lượng sản xuất trong tháng (kg)}} \times \text{Định mức tiêu hao NVL của SP i}$$

$$\text{Biến phí SXC} = \frac{67.742.649}{66.700} \times 2,4$$

Biến phí SXC = 2.437,5 đ/kg

Tổng định phí: 187.127.965

3.2.3. Hoàn thiện phương pháp tính giá thành

Bảng 3.8: Bảng tổng hợp giá thành theo sản phẩm tháng 12 năm 2012

ĐVT: đồng

Sản phẩm	Số lượng sản	Chi phí NVL TT	Chi phí NCTT	Biến phí SXC	Tổng chi phí	Đơn vị sản phẩm
Cá ngừ phi lê	66.700	9.883.542.484	385.592.700	162.581.250	10.431.716.434	156.398
Tôm đông lạnh đóng gói	...					
Mực sami	...					

3.2.4 Hoàn thiện báo cáo và phân tích chi phí phục vụ kiểm soát chi phí tại Công ty.

a. Về lập báo cáo chi phí:

Bảng 3.9: Báo cáo giá thành sản phẩm

Sản lượng: 66.700

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch
	Số lượng	66.700	66.700	
I	Chi phí NVLTT	9.172.584.000	9.883.542.484	710.958.484
II	Chi phí NCTT	369.184.500	385.592.700	16.408.200
III	Chi phí SXC	250.952.957	254.870.614	3.917.657
IV	Giá thành sản phẩm	146.817	157.781	10.963

b. Về phân tích phục vụ kiểm soát chi phí:

***Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Bảng 3.10: Phân tích biến động CPNVLT tháng 12 năm 2012

Sản phẩm: Cá ngừ phi lê

STT	Loại vật liệu	Dự toán		Thực tế		Mức độ ảnh hưởng	
		Khối lượng	Đơn giá	Khối lượng	Đơn giá	Do lượng	Do giá
1	Cá ngừ	160.080	57.300	160.080	60.000	0	2.700
2	Bao bì	10.000	9.057	10.057	9.057	57	0
3	Vật liệu phụ	8.370	5.523	8.400	5.584	30	61
	Tổng cộng					87	2.761

*** Đối với chi phí nhân công trực tiếp**

Bảng 3.11: Phân tích biến động CPNCTT tháng 12 năm 2012

Sản phẩm: Cá ngừ phi lê

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	
			Số tiền	%
Tiền lương	300.150.000	313.490.000	13.340.000	81
Các khoản trích theo lương	69.034.500	72.102.700	3.068.200	19
Tổng	369.184.500	385.592.700	16.408.200	100

* *Đối với chi phí sản xuất chung***Bảng 3.12: Phân tích biến động SXC tháng 12 năm 2012****Sản phẩm: Cá ngừ phi lê**

STT	Nội dung chi phí	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch
1	Tiền lương bộ phận quản lý phân xưởng	11.534.910	13.448.290	1.913.380
2	Chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng	20.540.241	19.000.390	(1.541.851)
3	Chi phí dụng cụ sản xuất	6.887.000	6.890.280	3.280
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	98.539.568	98.539.568	0
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.449.238	116.992.086	1.542.848
	Tổng cộng	250.952.957	254.870.614	3.917.657

3.2.5. Tổ chức mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty

a. Tổ chức mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty

b. Chức năng và nhiệm vụ của từng phân hành kế toán

KẾT LUẬN

Nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều cơ hội phát triển cũng như phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, một điều kiện sống còn đối với các đơn vị kinh doanh là phải kiểm soát tốt chi phí và có các quyết định kinh doanh đúng đắn, điều này chỉ có được thông qua hệ thống KTQT chi phí. Chính vì vậy, luận văn đã nghiên cứu và hoàn thiện KTQT chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam. Qua đó, giúp bộ máy kế toán của Công ty phát huy được tốt hơn vai trò của mình trong việc kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.

Qua nghiên cứu lý luận về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất và tìm hiểu thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Procimex Việt Nam, luận văn đã giải quyết một số vấn đề sau:

- Hệ thống hoá và phát triển các lý luận chung về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất phục vụ hiệu quả cho quản trị nội bộ: Tìm hiểu bản chất, vai trò; nội dung của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất làm tiền đề nghiên cứu thực trạng KTQT chi phí sản xuất tại Công ty.

- Đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty, những mặt đã làm được cũng như những vấn đề còn tồn tại trong công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất.

- Luận văn đã phân tích sự cần thiết phải hoàn thiện KTQT chi phí sản xuất và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty.